TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST
Ngày: 17/9/2018
"V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sở thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hiền và ông Ngô Văn Đức;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm bàng khai vụ án thụ lý số: 107/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 187/2018/QĐST- DS ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Đinh Thị Tuyết N, sinh năm 1968. Trú tại: Số nhà 422, Tổ 11, Ấp 3, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn***: Bà Đỗ Thị Lâm U, sinh năm: 1973. HKTT: Tổ 1, Ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú cuối cùng tại: Tổ 1, Ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N có mặt; Bà U vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2018, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 23/7/2018, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Bà Đinh Thị Tuyết N và bà Đỗ Thị Lâm U là người cùng địa phương có quen biết nhau. Đầu năm 2011 bà N bắt đầu cho bà U vay tiền; từ đầu năm 2011 đến tháng 4/2012 bà N đã cho bà Đỗ Thị Lâm U vay tổng cộng 440 triệu đồng với 07 lần vay. Mỗi lần cho vay tiền bà N có yêu cầu bà U viết giấy, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 4%/tháng, khi nào cần lấy tiền gốc thì báo trước 01 tháng. Đến ngày 25/4/2012 bà N và bà U thống nhất viết gom vào 01 giấy vay

tiền do bà U tự viết cho bà N. Trong đó nêu rõ các giấy trước và sau ngày 25/4/2012 đều không có giá trị nữa. Tuy nhiên do kẹt tiền và thấy bà U có uy tín nên ngày 16/5/2012 bà N tiếp tục cho bà U vay thêm số tiền 50 triệu đồng. Bà U đã trả lãi cho bà N đến ngày 16/5/2012 thì không tiếp tục trả lãi cho bà N nữa. Vì thời gian đã lâu, giấy vay nợ các lần trước đó đã bỏ đi nên bà N không nhớ chính xác số tiền lãi mà bà U đã trả cho bà. Từ tháng 6/2012 đến ngày bà U bỏ đi khỏi địa phương thì bà U cố tình không trả lãi cho bà nữa, nhiều lần bà có đến nhà đòi bà U trả tiền nợ gốc và tiền lãi thì bà U khất nợ với lý do trồng nấm, khai thác đá bị thua lỗ. Ngày 14/7/2014 âm lịch (Ngày 09/8/2014 dương lịch) cả gia đình bà U bỏ đi khỏi địa phương không cho ai biết. Từ đó đến nay biệt tích không ai biết bà U hiện đang cư trú ở đâu. Kể từ tháng 6/2012 đến nay bà U chưa trả bất kỳ số tiền gốc và tiền lãi nào cho bà N. Ngày 22/5/2015, TAND huyện Trảng Bom đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 07/2015/QĐDS-ST đối với bà Đỗ Thị Lâm U, sinh năm: 1973 và ông Nguyễn Sơn L, sinh năm 1967. Nơi cư trú cuối cùng tại: Tổ 1, Ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì.

Bà N yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Đỗ Thị Lâm U phải trả cho bà số tiền vay nợ gốc là 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng).

Ngày 23/7/2018 bà N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 50 triệu đồng vào ngày 16/5/2012, chỉ yêu cầu bà U trả cho bà N số tiền gốc là 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

- Bị đơn bà Đỗ Thị Lâm U đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và giấy triệu tập. Tuy nhiên, bà U không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản nêu ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa, bà Đỗ Thị Lâm U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:*

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:*

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà U trả cho bà N số tiền gốc là 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng*:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Đinh Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Lâm U, sinh năm: 1973. Nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Tổ 1, Ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai trả số tiền nợ gốc là 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và không yêu cầu trả tiền lãi; Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Bàng an xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai kết quả: Bà Đỗ Thị Lâm U, sinh năm: 1973 có đăng ký thường trú tại địa phương. Từ năm 2014 đến nay bà U không có mặt tại địa phương, bà U đang sống và làm việc ở đâu thì địa phương không rõ. Ngày 25/7/2018, Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tiến hành xác minh tại xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang kết quả: Bà Đỗ Thị Lâm U, sinh năm 1973 không đăng ký thường trú, tạm trú tại địa phương. Hiện nay bà U có cư trú tại địa phương hay không thì địa phương không nắm rõ vì bà U không trình báo. Do đó, Tòa án không thể tống đạt được trực tiếp thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo kết quả xác minh của Tòa án; Căn cứ vào Điều 6, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn bà Đỗ Thị Lâm U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[5] Giao dịch vay tiền giữa các bên đã được xác lập năm 2012 trước khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên phải áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

** Về nội dung*:

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ gốc thì thấy:

Tại Giấy vay tiền ngày 25/04/2012 có nội dung: Tôi Đỗ Thị Lâm U có vay của bà N với tổng số tiền là ngày 05 = 20.000.000 đồng, 07 = 30.000.000 đồng, 20 = 70.000.000 đồng, 21 = 80.000.000, 23 = 50.000.000 đồng, 25 =

150.000.000 đồng, 30 = 40.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, khi nào cần rút vốn thì báo trước 01 tháng. Phía dưới nghi người vay ký và viết tên Đỗ Thị Lâm U.

Tại Kết luận giám định số 2479/C54B ngày 26/6/2018 của Phân viên KHHS tại Tp. Hồ Chí Minh- Tổng Cục Cảnh sát kết luận: Chữ ký mang tên Đỗ Thị Lâm U, chữ viết Đỗ Thị Lâm U dưới mục "Người vay" trên Giấy vay tiền đề ngày 25/4/2012 so với chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Thị Lâm U trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Vì vậy, xác định đây là hợp đồng vay tiền không có thời hạn và có tính lãi. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bà U trả tiền nợ gốc nhưng bà U không thanh toán. Từ khi vay đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, bà U không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc trả nợ gốc giữa các bên.

Như vậy có đủ căn cứ kết luận bà Đỗ Thị Lâm U có vay số tiền 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) của bà Đinh Thị Tuyết N, đến nay chưa thanh toán số tiền này cho bà N là có thật.

Căn cứ các Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005, thì bên vay phải có trách nhiệm trả tiền cho bên cho vay sau khi đã báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Đỗ Thị Lâm U có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị Tuyết N số tiền 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

[7] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi. Tại Đơn trình bày ý kiến của bị đơn thể hiện lãi suất vay mội tháng là 5%, đã trả tiền lãi vay đến tháng 03/2014 với số tiền 240.000.000 đồng nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc trả tiền lãi giữa các bên. Đồng thời bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố đối với tiền lãi đã trả cho nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Đỗ Thị Lâm U phải bàu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000. 000 đồng + (4% x 40.000.000 đồng) = 21.600. 000 đồng. Bà N không phải nộp án phí DSST. Theo quy định tại Điều của 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bà Đỗ Thị Lâm U có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị Tuyết N số tiền 3.400.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm ngàn đồng) chi phí giám định mà bà N đã nộp tạm ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 147, khoản 4 Điều 161, 227, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Đỗ Thị Lâm U.

1. Buộc bà Đỗ Thị Lâm U có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị Tuyết N số tiền 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà U chậm trả tiền thì hàng tháng bà U phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị Lâm U phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 21.600. 000 đồng (Hai mươi mốt triệu, sáu trăm ngàn đồng).

Trả lại cho bà Đinh Thị Tuyết N số tiền 11.800.000 đồng (Mười một triệu, tám trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 000532 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

3. Về chi phí tố tụng khác: Buộc bà Đỗ Thị Lâm U có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị Tuyết N số tiền 3.400.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm ngàn đồng) chi phí giám định mà bà N đã nộp tạm ứng.

4. Bà Đinh Thị Tuyết N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đỗ Thị Lâm U được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Trảng Bom;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Quyên